

## THÀNH PHẦN LOÀI KHU HỆ CHIM Ở CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC (ĐẦM, HỒ) NỘI, NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

LÊ ĐÌNH THUY

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Hà Nội đã được xác định là một trong 3 đỉnh của tam giác trọng điểm phát triển kinh tế ở đồng bằng Sông Hồng trong hiện tại và các năm sắp tới. Mức sống của người dân thủ đô ngày càng được nâng cao, nhu cầu về nghỉ ngơi giải trí cũng ngày càng được đặt ra một cách bức thiết. Phát triển kinh tế - xã hội phải song song với bảo vệ tài nguyên và môi trường cũng đã được đặt ra và thực hiện trong nhiều năm nay ở Hà Nội. Bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh vật cũng đang được chính quyền thành phố quan tâm và thực hiện.

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng khu hệ chim các vùng đất ngập nước (ĐNN) đầm, hồ ở Hà Nội trong 2 năm 2013 và 2014. Kết quả của đề tài nhằm phục vụ cho công tác quản lý, quy hoạch và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên của Hà Nội. Đánh giá hiện trạng tài nguyên chim ở các vùng ĐNN đầm, hồ là một trong các chuyên đề được thực hiện của đề tài.

Trong khuôn khổ của chuyên đề này, chúng tôi tập trung khảo sát, điều tra về khu hệ chim của các vùng đất ngập nước ở các đầm hồ khu vực nội và ngoại thành. Đó là các vùng đất ngập nước ở các hồ khu vực nội thành (hồ Tây, hồ Bách Thảo, hồ Yên Sở), ở các đầm, hồ khu vực ngoại thành (hồ Đồng Mô-Ngải Sơn, hồ Suối Hai, Đầm Long). Thực hiện các nội dung nghiên cứu nhằm cung cấp các dẫn liệu khoa học về thành phần loài chim ở các đầm hồ ở nội và ngoại thành, các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến sự đa dạng thành phần loài và đề xuất bảo tồn. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ đưa ra những kết quả đánh giá về thành phần loài của khu hệ chim ở 5 vùng ĐNN đã được khảo sát điều tra trong 2 năm 2013 và 2014.

### I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Thời gian, địa điểm nghiên cứu

Đã tiến hành 5 đợt khảo sát vào các tháng 3, 4, 6/2013 và tháng 8, 10/2014 tại các vùng ĐNN là hồ, đầm trong nội thành và ngoại thành của Tp. Hà Nội. Bao gồm: Hồ Tây, hồ Bách Thảo, hồ Yên Sở, hồ Đồng Mô-Ngải Sơn, hồ Suối Hai và Đầm Long.

**1. Hồ Tây và khu vực xung quanh hồ Tây:** Hồ nằm ở vị trí phía tây bắc trung tâm Hà Nội, diện tích hơn 500 ha với chu vi là 18 km thuộc địa phận quận Tây Hồ. Đây là hồ ngập nước quanh năm, bờ hồ có nhiều ngách ăn sâu vào bờ được dân địa phương trồng rau muống, thả sen, đôi chỗ gặp cỏ mồm và cây sậy.

**2. Hồ Bách thảo:** Thuộc quận Ba Đình, hồ nước ở giữa vườn Bách Thảo, xung quanh là các cây to chủ yếu là Xà cừ. Phía Đông Bắc có một khu đất rộng khoảng 3000 m<sup>2</sup> cao khoảng 3,5-4m bằng phẳng (gọi là Núi Nùng) xung quanh có các cây to cao, chủ yếu là cây xà cừ.

**3. Hồ Yên Sở:** Nằm về phía Nam, thuộc dạng địa hình gần như thấp nhất của nội thành. Trước kia, có một hệ thống các hồ ao liên kết với nhau là nơi chứa nước thải của các kênh mương từ phía bắc thành phố chảy xuống trước khi chảy ra Sông Hồng. Hồ Yên Sở hiện nay được cải tạo và xây dựng thành công viên, xung quang bờ hồ là các đảo nhỏ, được trồng cây xanh bóng mát và tạo cảnh quan.

**4. Hồ Đồng Mô - Ngải Sơn:** Được xây dựng năm 1966, với diện tích của hồ nước được hình thành là 1300 ha, với 21 đảo lớn nhỏ do các đồi bị ngăn cách vì bị ngập trong nước. Hồ thuộc địa phận 3 xã Kim Sơn, Sơn Đông và Cổ Đông (thị xã Sơn Tây) và 2 xã Yên Bài, Vân Hoà (huyện Ba Vì).

**5. Hồ Suối Hai và Đàm Long:** Thuộc địa phận xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, cách Thị xã Sơn Tây khoảng 14 km (hồ Suối Hai), khoảng 17 km (Đàm Long). Đàm Long, cách sông Đà khoảng 2,5 km, cách hồ Suối Hai khoảng 2 km và đã được quy hoạch trong khu du lịch sinh thái Đàm Long từ hơn 10 năm nay. Đây cũng là một vùng đất ngập nước quan trọng, cung cấp nguồn thức ăn cho chim bố mẹ và chim non của Vườn chim Ngọc Nhị trong mùa sinh sản. Tuy nhiên, hiện nay Đàm Long đã bị biến thành hồ bơi thuyền, phục vụ khách du lịch.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

**a. Khảo sát thực địa:** Trong thời gian khảo sát trên thực địa, chim được trực tiếp quan sát bằng mắt thường và ống nhòm. Phạm vi khảo sát ở khu vực xung quanh các hồ, đầm, tập trung giành nhiều thời gian khảo sát hơn ở 3 vùng ĐNN quan trọng: hồ Đồng Mô - Ngải Sơn, hồ Suối Hai và Đàm Long.

Một số loài chim được xác định bằng phỏng vấn dân địa phương ở những khu vực khảo sát thực địa, trong khi phỏng vấn sử dụng ảnh màu trong các sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim [4,6]. Tiến hành phỏng vấn, trao đổi thông tin nhiều người dân các xã đang sống xung quanh các hồ, đầm: đầm Long và hồ Suối Hai (xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì), hồ Đồng Mô (3 xã: Cổ Đông, Sơn Đông, Kim Sơn thuộc thị xã Sơn Tây)

### b. Tài liệu sử dụng trong định loại và viết báo cáo

Nhận dạng chim tại thực địa theo sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim có hình vẽ màu của Craig Robson, 2000 [4], ngoài ra còn tham khảo sách Chim Việt Nam của Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi, Karen Philipps, 2000 [6]. Danh sách các loài chim được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Richard Howard và Alick Moore, 1991 [7]. Tên phổ thông và tên khoa học các loài chim theo Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995 [8] và Charles G. Sibley and Burt L. Monroe, Jr., 1990 [7].

Xác định các loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen theo các tài liệu: Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ [3]. Sách Đỏ Việt Nam, 2007- phần Động vật [1].

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thành phần loài của khu hệ chim ở các vùng đất ngập nước hồ, đầm nội và ngoại thành Hà Nội

Qua các đợt khảo sát tại 5 khu vực ĐNN hồ, đầm nội và ngoại thành của Hà Nội, chúng tôi đã quan sát, điều tra và ghi nhận được 130 loài chim, thuộc 41 họ và 14 bộ được trình bày ở bảng sau.

Bảng 1

Danh sách thành phần loài chim ở các vùng ĐNN

T T	Tên phổ thông	Tên khoa học	Phân bố				
			Hồ Đồng Mô - Ngải Sơn	Hồ Suối Hai, Đàm Long	Hồ Tây	Hồ Bách Thảo	Hồ Yên Sở
	<b>I- Bộ Chim Lặn</b>	<b>PODICIPEDIFORMES</b>					
	<i>I- Họ chim lặn</i>	<i>Podicipedidae</i>					
1	Chim lặn	<i>Tachybaptus ruficollis</i>	x		x		x

	<b>II-Bộ Hạc</b>	<b>CICONIIFORMES</b>					
	<i>2-Họ Diệc</i>	<i>Ardeidae</i>					
2	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i>	x	x			
3	Cò ngàng nhỏ	<i>Egretta intermedia</i>	x	x			
4	Cò ngàng lớn	<i>Casmerodius albus</i>		x			
5	Cò trắng	<i>Egretta garzetta</i>	x	x	x		x
6	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>	x	x	x		x
7	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>		x			
8	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i>	x	x			
9	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>	x				
10	Cò lúa	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i>	x	x	x		
11	Cò hương	<i>Dupetor flavicollis</i>	x	x			
	<i>3- Họ Hạc</i>	<i>Ciconiidae</i>					
12	Cò Nhạn	<i>Anastomus ocitans</i>		x			
	<b>III-Bộ Ngỗng</b>	<b>ANSERIFORMES</b>					
	<i>4-Họ Vịt</i>	<i>Anatidae</i>					
13	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i>	x		x		
14	Vịt đầu vàng	<i>Anas penelope</i>	x				
15	Mòng két	<i>A. crecca</i>			x		
	<b>IV-Bộ Cắt</b>	<b>FALCONIFORMES</b>					
	<i>5-Họ Ưng</i>	<i>Accipitridae</i>					
16	Điều hâu	<i>Milvus korschun</i>	x		x		x
17	Ưng xám	<i>Accipiter badius</i>	x				
18	Điều mướp	<i>Circus melanoleucos</i>	x	x			
19	Ưng án độ	<i>Accipiter trivirgatus</i>	x		x		x
	<i>6-Họ Cắt</i>	<i>Falconidae</i>					
20	Cắt bụng hung	<i>Falco severus</i>	x				
21	Cắt lưng xám	<i>Falco columbarius</i>		x			
22	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnuculus</i>			x		x
23	Cắt nhỏ bụng trắng	<i>Microhierax melanoleucos</i>		x			
	<b>V- Bộ sếu</b>	<b>GRUIFORMES</b>					
	<i>7-Họ gà nước</i>	<i>Rallidae</i>					
24	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	x	x	x		x
25	Gà nước vằn	<i>Rallus striatus</i>	x	x			
26	Sâm cầm	<i>Fulica atra</i>			x		
	<i>8-Họ cun cú</i>	<i>Turnicidae</i>					
27	Cun cú lưng nâu	<i>Turnix tanki</i>	x		x		x
28	Cun cú lưng hung	<i>T. suscitator</i>	x				
	<b>VI- Bộ rẽ</b>	<b>CHARADRIIFORMES</b>					
	<i>9- Họ Chòi chòi</i>	<i>Charadriidae</i>					
29	Chòi chòi sông	<i>Charadrius dubius</i>	x				
30	Chòi chòi lưng hung	<i>Charadrius leschenaultii</i>			x		x
31	Chòi chòi xỏm	<i>Pluvialis squatarola</i>			x	x	x
32	Choắt nhỏ	<i>Actitis hypoleucos</i>	x				
33	Rẽ giun	<i>Capella gallinago</i>	x		x		x

34	Choắt bụng xám 10- Họ Dô nách	<i>Tringa glareola</i> <i>Glareolidae</i>			x		x
35	Dô nách nâu <b>VII-Bộ bồ câu</b>	<i>Glareola maldivarum</i> <b>COLUMBIFORMES</b>	x				
	11-Họ Bồ câu	<i>Columbidae</i>					
36	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	x	x			
37	Cu ngói	<i>S. tranquebarica</i>		x			
38	Cu sen <b>VIII-Bộ Vẹt</b>	<i>S. orientalis</i> <b>PSITTACIFORMES</b>		x			
	12-Họ Vẹt	<i>Psittacidae</i>					
39	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>	x				
40	Vẹt ngực đỏ <b>IX. Bộ Cucu</b>	<i>Psittacula alexandri</i> <b>CUCULIFORMES</b>	x				
	13. Họ Cu cu	<i>Cuculidae</i>					
41	Tu hú	<i>Eudynamis scolopacea</i>		x			
42	Bắt cô trói cột	<i>Cuculus micropterus</i>	x				
43	Tìm vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>		x			
44	Bìm bịp nhỏ	<i>Centropus bengalensis</i>	x	x			
45	Bìm bịp lớn <b>X. Bộ Cú</b>	<i>Centropus sinensis</i> <b>STRIGIFORMES</b>	x	x			
	14. Họ Cú lợn	<i>Tytonidae</i>	x				
46	Cú lợn	<i>Tyto alba</i>	x	x			
47	Cú lợn lưng nâu***	<i>Tyto capensis***</i>			x		x
48	Cú lợn lưng xám 15. Họ Cú mèo	<i>Tyto alba</i> <i>Strigidae</i>	x	x			
49	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus bakkamoena</i>		x			
50	Cú mèo nhỏ	<i>Otus sunia</i>	x	x			
51	Cú vọ ngực trắng <b>XI- Bộ Cú muỗi</b>	<i>Glaucidium cuculoides</i> <b>CAPPRIMULGIFORMES</b>	x				
	16-Họ Cú muỗi	<i>Caprimulgidae</i>					
52	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>	x				
53	Cú muỗi lưng xám <b>XII- Bộ Sả</b>	<i>C. affinis</i> <b>Coraciiformes</b>	x		x	x	x
	17-Họ bói cá	<i>Alcedinidae</i>					
54	Bói cá nhỏ	<i>Ceryle rudis</i>	x				
55	Bông chanh	<i>Alcedo atthis</i>	x	x	x	x	x
56	Sả đầu nâu 18-Họ trâu	<i>Halcyon smyrnensis</i> <i>Meropidae</i>	x	x	x		x
57	Trâu đầu nâu	<i>Merops viridis</i>	x				
58	Trâu ngực nâu	<i>Merops philippinus</i>					x
59	Trâu lớn <b>XIII- Bộ Gõ kiến</b>	<i>Nyctyornis athertoni</i> <b>PICIFORMES</b>	x				
	19- Họ Gõ kiến	<i>Picidae</i>					
60	Gõ kiến xanh gáy đen <b>XIV- Bộ sẻ</b>	<i>Picus canus</i> <b>Passeriformes</b>		x			
	20- Họ Sơn ca	<i>Alaudidae</i>					

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

61	Sơn ca	<i>Alauda gulgula</i>	x				
	21-Họ Nhạn	<i>Hirundinidae</i>					
62	Nhạn bụng xám	<i>Hirundo daurica</i>	x		x	x	x
63	Nhạn bụng trắng	<i>H. rustica</i>			x		x
	22-Họ chìa vôi	<i>Motacillidae</i>					
64	Chìa vôi vàng	<i>Motacilla flava</i>	x	x	x	x	x
65	Chìa vôi trắng	<i>M. alba</i>	x	x			
66	Chìa vôi núi	<i>M. cinerea</i>	x				
67	Chim manh lớn	<i>Anthus novaeseelandae</i>	x	x	x		x
68	Manh Vân Nam	<i>A. hodgsoni</i>	x	x			
69	Manh lưng xám	<i>A. rubescens</i>		x			
	23-Họ Chào mào	<i>Pycnonotidae</i>					
70	Cành cạch lớn	<i>Criniger pallidus</i>	x				
71	Cành cạch nhỏ	<i>Hypsipetes proquiquus</i>	x				
72	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>	x	x			
73	Bụng lau trung quốc	<i>P. sinensis</i>		x			
74	Bông lau nâu nhỏ	<i>P. erythrophthalmus</i>			x		x
75	Chụo mụo	<i>P. jocosus</i>	x	x	x	x	x
	24-Họ Chim xanh	<i>Irenidae</i>					
76	Chim nghệ ngực vàng	<i>Aegithina tiphia</i>				x	
77	Chim lam	<i>Irena puella</i>				x	
	25-Họ bách thanh	<i>Laniidae</i>					
78	Bách thanh nhỏ	<i>Lanius collurio</i>	x				
79	Bách thanh	<i>L. Schach</i>	x	x		x	
	26-Họ chích choè	<i>Turnidae</i>					
80	Chích choè	<i>Copsychus saularis</i>	x	x		x	
81	Hoét đen	<i>Turdus merula</i>		x			
82	Hoét đầu xám	<i>Turdus pallidus</i>		x			
83	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	x				
	27-Họ khướu	<i>Timalidae</i>					
84	Chuối tiêu đất	<i>Trichastoma tickelli</i>	x				
85	Khướu bụi đầu đen	<i>Stachyris nigriceps</i>	x				
86	Lách tách vành mắt	<i>Alcippe nepalensis</i>	x				
87	Bò chao	<i>Garrulax perspicillatus</i>		x			
88	Chích chạch má vàng	<i>Prinia flaviventris</i>		x			
	28-Họ chim chích	<i>Sylviidae</i>					
89	Chích nâu	<i>Phylloscopus fuscatus</i>	x				
90	Chích hai vạch	<i>Ph. trochiloides</i>		x			
91	Chích Phương bắc	<i>Ph. borealis</i>	x	x		x	
92	Chích vàng mày đen	<i>Seicercus burkii</i>		x			
93	Chích ngực hung	<i>Cettia diphone</i>		x		x	
94	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	x			x	
95	Chích bông cánh vàng	<i>Orthotomus attrogularis</i>				x	
96	Chiền chiện họng trắng	<i>Prinia strogularis</i>	x				
97	Chiền chiện bụng vàng	<i>P. flaviventris</i>	x	x			
	29-Họ Đớp ruồi	<i>Muscicapidae</i>					

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

98	Đớp ruồi xanh xám	<i>Muscicapa thalassina</i>	x			x	
99	Đớp ruồi gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	x				
100	Đớp ruồi đầu xám	<i>Culicicapa ceylonensis</i>		x			
101	Đớp ruồi hải nam	<i>Cyornis hainanus</i>		x			
102	Đớp ruồi họng đỏ	<i>Ficedura parva</i>		x			
103	Đớp ruồi mugì	<i>F. mugimaki</i>		x			
	30-Họ Rẻ quạt	<i>Monarchidae</i>					
104	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>	x	x		x	
	31-Họ chim sâu	<i>Dicaeidae</i>					
105	Chim sâu lưng đỏ	<i>Dicaeum cruentatum</i>					
106	Chim sâu bụng vạch	<i>D. chrysorrheum</i>	x			x	
107	Chim sâu vàng lục	<i>D. concolor</i>	x	x		x	
	32-Họ hút mật	<i>Nectariniidae</i>					
108	Hút mật họng hung	<i>Anthreptes singalensis</i>	x				
109	Hút mật họng đen	<i>Anthreptes asiatica</i>				x	
110	Hút mật ngực đỏ	<i>Aethopyga sparaja</i>				x	
111	Bấp chuối đốm đen	<i>Arachnothera magna</i>	x				
	33-Họ Chim di	<i>Estrildidae</i>					
112	Di cam	<i>Lonchura striata</i>	x	x			
113	Di đá	<i>L. punctulata</i>	x	x			
	34-Họ vành khuyên	<i>Zosteropidae</i>					
114	Vành khuyên nhật bản	<i>Zosterops japonica</i>	x	x			
115	Vành khuyên họng vàng	<i>Zosterops palpebrosa</i>			x	x	x
	35-Họ sẻ	<i>Ploceidae</i>					
116	Sẻ	<i>Passer montanus</i>	x	x			
	36- Họ Sáo	<i>Sturnidae</i>					
117	Sáo sậu	<i>Sturnus nigricollis</i>	x				
118	Sáo đá má trắng	<i>Sturnus cineraceus</i>					
119	Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cinereus</i>	x				
120	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres cristatellus</i>		x			
	37- Họ Bạc mỏ	<i>Paridae</i>					
121	Bạc mỏ	<i>Parus major</i>			x	x	x
	38- Họ Nhạn rừng	<i>Artamidae</i>					
123	Nhạn rừng	<i>Artamus fuscus</i>					
	39-Họ Chèo bẻo	<i>Dicruridae</i>					
124	Chèo bẻo mỏ quạ	<i>Dicrurus anectans</i>	x	x			
125	Chèo bẻo	<i>D. macrocercus</i>		x	x		x
126	Chèo bẻo bòm	<i>D. hottentotus</i>		x			
	40-Họ sẻ đồng	<i>Fringillidae</i>					
127	Sẻ đồng mặt đen	<i>Emberiza spodocephala</i>	x			x	
128	Sẻ đồng hung	<i>E. rutila</i>	x			x	
	41-Họ Quạ	<i>Corvidae</i>					
129	Quạ đen	<i>Corvus macrohynchos</i>					
130	Chim khách	<i>Crysiirina temia</i>					
	Tổng số: 14 bộ, 41 họ, 130 loài		82	68	30	22	26

Ghi chú: \*\*\* Loài Bạc VU (SĐVN, 2007)

Cấu trúc thành phần loài chim ở 5 vùng ĐNN, được thống kê theo bảng sau:

Bảng 2

Cấu trúc thành phần loài

Vùng ĐNN	Số loài	Số họ	Số Bộ	Ghi chú
Hồ Tây	30	18	10	
Hồ Bách Thảo	22	14	4	
Hồ Yên Sở	26	18	8	
Hồ Đồng Mô – Ngải Sơn	82	34	8	
Hồ Suối Hai & Đầm Long	68	28	8	

Từ bảng trên đây cho thấy rằng:

**a. Ở Hồ Tây:** Đã ghi nhận được 30 loài chim (23% tổng số loài), 18 họ (53% tổng số họ), 10 bộ (71% tổng số bộ).

**b. Ở hồ Bách Thảo:** Đã ghi nhận được 22 loài chim (17% tổng số loài), 14 họ (34% tổng số họ), 4 bộ (29% tổng số bộ).

**c. Ở hồ Yên Sở:** Đã ghi nhận được 26 loài chim (22% tổng số loài), 18 họ (44% tổng số họ), 8 bộ (57% tổng số bộ).

**d. Ở hồ Đồng Mô - Ngải Sơn:** Đã ghi nhận được 82 loài chim (63% tổng số loài), 34 họ (83% tổng số họ), 8 bộ (57% tổng số bộ).

**e. Ở hồ Suối Hai, Đầm Long:** Đã ghi nhận được 67 loài chim (51% tổng số loài), 27 họ (66% tổng số họ), 8 bộ (57% tổng số bộ).

### III. KẾT LUẬN

Qua khảo sát, điều tra ở 5 vùng ĐNN hồ, đầm nội ngoại thành của Hà Nội (hồ Tây, hồ Bách thảo, hồ Yên Sở, hồ Đồng Mô - Ngải Sơn, hồ Suối Hai, Đầm Long), ghi nhận có 130 loài chim thuộc 41 họ, 14 bộ.

Trong số 130 loài chim đã được ghi nhận chỉ duy nhất có loài Cú lợn lưng nâu *Tyto capensis* được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007 ở bậc VU.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (phần Động vật). Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Charles G. Sibley, Burt L. Monroe, Jr., 1990. Distribution and Taxonomy of Birds of the World. Yale University Press New Haven & London.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. Nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
4. Craig Robson, 2000. A Field guide to the Birds of Thailand and South- East Asia. Asia Books, 504 pp.
5. IUCN, 2014. Red list of Threatened animals. <http://www.redlist.org>
6. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps, 2000. Chim Việt Nam. Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội. 250 trang.

7. **Richard H and Moore A**, 1991. A complete Checklist of the birds of the World. Second Edition London.
8. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995. Danh lục chim Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

**THE BIRD SPECIES COMPOSITION OF WETLAND AREAS  
(LAKES, SWAMPS) OF HA NOI CITY**

**LE DINH THUY**

SUMMARY

The surveys on the bird species composition of five wetland areas (West lake, Bach thao lake, Yen So Lake, Dong Mo - Ngai Son lake, Suoi Hai lake and Long swamp) in Ha Noi were carried out on March, April, June (2013) and August, October (2014). There are 130 bird species belonging to 41 families and 14 orders were recorded. The bird species number distributed at five lakes and swamps is the difference, such as:

- West Lakes: 30 bird species (23% of the total recorded species).
- Bach Thao Lakes: 22 bird species (17% of the total recorded species).
- Yen So Lakes: 26 bird species (22% of the total recorded species).
- Dong Mo - Ngai Son Lakes: 82 bird species (63% of the total recorded species).
- Suoi Hai and Long swamps: 67 bird species (51% of the total recorded species).

Among 130 bird species were recorded, only one species Grass Owl *Tyto capensis* was listed in Vietnam Red Data Book, 2007.